

Số: 74/2026/QĐST-HNGĐ

Cao Bằng, ngày 26 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 78/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Xóm C, xã C, tỉnh Cao Bằng.**

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Trung V**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: **Xóm C, xã C, tỉnh Cao Bằng.**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lương Thị T và anh **Hoàng Trung V**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lương Thị T** và anh **Hoàng Trung V** cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị **T** và anh **V** xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu **Hoàng Đức D** sinh ngày 09/02/2015, cháu **Hoàng Đại D1** sinh ngày 26/03/2018. Hiện nay cháu **D** đang sống cùng chị **T**, còn cháu **D1** đang sống với anh **V** tại **xóm C, xã C, tỉnh Cao Bằng**. Anh **V** và chị **T** thống nhất thoả thuận chị **T** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu **D**, còn anh **V** sẽ trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu **D1** đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Hai vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị **Lương Thị T** và anh **Hoàng Trung V** mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị **T** tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí cho cả nguyên đơn và bị đơn. Tổng số tiền chị **T** phải nộp là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000087 ngày 25/02/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng. Nay Chị **T** được hoàn lại 150.000 đồng tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Cốc Pàng (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2018 ngày 07/8/2018 tại UBND xã Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trương Văn Nhường